

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 29/3/2019  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Phương Dung;

Bà Trần Thị Kim Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 523/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Trọng A, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp a, xã b, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn xin vắng mặt

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp x, xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Trần Trọng A trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Trần Trọng A và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 2005, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/4/2005. Cuộc sống vợ chồng trong thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn về các vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên ông A kiên quyết xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông A và bà T có 02 con chung là Trần Trọng Đ, sinh ngày 07/4/2005 và Trần Kim H, sinh ngày 23/3/2009. Khi ly hôn,

ông Trần Trọng A xin được nuôi các con chung, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của ông A.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Trọng A đối với bà Nguyễn Thị T; về con chung: Giao các con chung Trần Trọng Đ, sinh ngày 07/4/2005 và Trần Kim H, sinh ngày 23/3/2009 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông A về việc không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại Ấp x, xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn ông Trần Trọng A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Xét về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Ông Trần Trọng A và bà Nguyễn Thị T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/4/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau về vấn đề tiền bạc, con cái. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân với nhau. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng

mặt không có lý do cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 20/12/2018 đại diện chính quyền địa phương xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xác nhận cuộc sống gia đình giữa ông A và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hiện đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn ông Trần Trọng A và bị đơn bà Nguyễn Thị T đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng bà T đều vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn và cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thêm vào đó, nguyên đơn và bị đơn không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định ông Trần Trọng A và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Trần Trọng Đ, sinh ngày 07/4/2005 và Trần Kim H, sinh ngày 23/3/2009.

[7] Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2018, cháu Trần Trọng Đ và Trần Kim H trình bày có nguyện vọng được sống với cha là ông Trần Trọng A. Xét thấy ông A hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ sức khỏe, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; đồng thời ông A có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung nên cần giao con chung Trần Trọng Đ và Trần Kim H cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A về việc không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trọng A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Trọng A được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Trọng Đ, sinh ngày 07/4/2005 và Trần Kim H, sinh ngày 23/3/2009 cho ông Trần Trọng A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Trọng A về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của bà Nguyễn Thị T. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Trọng A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0025873 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã y, huyện Phú Giáo,
- tỉnh Bình Dương (Số 54, quyển số 01/05);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Khoa**